

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2026/DS-PT

Ngày: 30 - 01 - 2026

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hoàng Ngọc Liễu

Các Thẩm phán: ông Đinh Trường Sơn

bà Trần Thanh Hải

- *Thư ký phiên tòa:* bà Lò Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* bà Khả Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2025/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 299/2025/QĐPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2026/QĐ - PT ngày 16/01/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: số nhà B, tổ A, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Công ty L, P504, tầng 5, Tòa nhà M, số A T, phường H, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1950. Địa chỉ: Phố N, phường H, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: P62 B, TT K, phường K, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Vũ Duy T2 Văn phòng Luật sư Vũ Duy T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Thọ.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Công ty Cổ phần A (gọi tắt là Công ty A). Địa chỉ: Số A, đường L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ Thanh P1 - Giám đốc.

4. *Người làm chứng*:

+ Bà Vũ Thị Thanh T3, sinh năm 1981. Địa chỉ: 1 Lô A, N, phường H, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1964. Địa chỉ: số G N, phường K, thành phố Hà Nội.

+ Ông Phạm Hồng N, sinh năm 1974. Địa chỉ: 1 đường số A, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

5. *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Văn P.

(Tại phiên tòa, ông P, ông T1 và Luật sư T2 có mặt. Ông Đ, ông Anh T, Công ty A và những người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày: Ông Nguyễn Thanh Đ có cho ông Nguyễn Văn P vay số tiền 3.400.000.000 đồng, ông P đã xác nhận tại Biên bản xác nhận công nợ lần 1 ngày 06/9/2018. Ngày 08/9/2020, hai bên lập biên bản xác nhận công nợ lần 2, ông P cam kết trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/12/2020 là 4.317.097.805 đồng, thời hạn trả là sau 30 ngày, kể từ ngày 31/12/2020. Ngày 04/11/2021, ông Nguyễn Văn P đã viết Giấy cam kết trả nợ, cam kết chậm nhất đến trước ngày 31/12/2021 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi, tổng cộng là 4.317.097.805 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 31/12/2021 ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết nên ông Nguyễn Thanh Đ khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Thanh Đ tổng số nợ gốc, tiền lãi, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 30/4/2022 là 5.094.175.409 đồng và trả lãi của số nợ gốc từ ngày 30/4/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, cụ thể: số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/12/2020 là 4.317.097.805 đồng; Lãi chậm thanh toán tính từ 01/01/2021 đến ngày 30/4/2022 là 4.317.097.805 đồng x (9% x 150%): 12 x 16 tháng = 777.077.604 đồng. Ngày 12/9/2025, ông Nguyễn Thanh Đ có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn P phải hoàn trả số tiền nợ gốc là 3.400.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 01/01/2019 đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Thanh Đ không có mối quan hệ quen biết nhau từ trước, do ông Nguyễn Văn P là chủ dự án xây dựng Trường P2 nên tháng 5/2015, ông Đ có đến gặp ông P và đề nghị hỗ trợ tài chính để ông Đ làm bên B thi công dự án, việc thỏa thuận này thực hiện bằng miệng, không được lập thành văn bản. Từ năm 2015 đến năm 2017, ông Đ có chuyển tiền cho ông P qua phòng tài vụ của Công ty A bốn lần, tổng số tiền là 3.400.000.000 đồng. Lời khai ngày 14/6/2022, ông P thừa nhận ông Đ có chuyển tiền cho ông tại tài khoản cá nhân của ông P, ông P sẽ trả lại số tiền gốc 3.400.000.000 đồng cho ông Đ và tiền lãi tính từ tháng 01 năm 2020. Sau này, ông P chỉ thừa nhận số tiền này của Công ty A chứ không vay mượn của cá nhân ai, nếu Công ty yêu cầu tính lãi thì ông đồng ý. Việc ông ký vào Biên bản xác nhận công nợ lần 1 ngày 06/9/2018 và Biên bản xác nhận công nợ lần 2 ngày 08/9/2020 là tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty A trình bày: Công ty đã rà soát hệ thống sổ sách kế toán, sao kê tài khoản Ngân hàng của Công ty, không có tài liệu, số liệu, chứng từ nào thể hiện là Công ty A đã chuyển tiền cho ông Nguyễn Văn P. Công ty không ký bất kỳ thỏa thuận, hợp đồng nào với ông Nguyễn Văn P và Công ty TNHH H do ông Nguyễn Văn P làm giám đốc. Đối với việc ông Nguyễn Thanh Đ khởi kiện ông Nguyễn Văn P là quan hệ giữa ông Nguyễn Thanh Đ và ông Nguyễn Văn P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 22/9/2025, Công ty A có đơn từ chối tham gia tố tụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ quyết định: căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ. Buộc ông Nguyễn Văn P phải trả cho ông Nguyễn Thanh Đ số tiền 6.154.279.452 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 3.400.000.000 đồng, tiền lãi (tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/9/2025) là 2.754.279.452 đồng. Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/10/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị xét xử lại theo hướng đưa Công ty A là nguyên

đơn vì số tiền 3.400.000.000 đồng là tiền hai bên thỏa thuận liên doanh góp tài chính để chạy dự án nên không được tính lãi. Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông phải trả lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/9/2025 là 2.754.279.452 đồng, ông không đồng ý.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Đoàn Văn T1 trình bày: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án với lý do: không đưa Công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty H) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; biên bản xác nhận công nợ ngày 06/9/2018 không đúng ở địa điểm, thời gian chuyển tiền không rõ và việc ông P ký vào biên bản này là bị ép buộc; nội dung chuyển tiền đến tài khoản ông P đều thể hiện Công ty A chuyển tiền nên sẽ phải có ủy nhiệm chi tại Ngân hàng T4, Ngân hàng nào bên ông P chưa muốn cung cấp. Trường hợp Tòa án vẫn tiến hành xét xử đề nghị xác định nguyên đơn là Công ty A, số tiền 3.400.000.000 đồng là tiền Công ty A chuyển cho Công ty H khi ký kết hợp đồng để cùng làm dự án nên Công ty A không được tính lãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư Vũ Duy T2 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dựa trên ý kiến của người đại diện theo ủy quyền. Bản án dân sự sơ thẩm xử không đúng tính chất vụ việc, số tiền 3.400.000.000 đồng là tiền của Công ty A chuyển cho ông P trên cơ sở Hợp đồng thỏa thuận góp vốn cùng làm dự án, tuy nhiên hợp đồng này hiện nay ông Đ đang cầm song căn cứ phiếu chuyển tiền mà ông P cung cấp thì những người chuyển tiền cho ông P đều là người của Công ty A nên ông Đ không có quyền đòi số tiền trên. Do góp vốn cùng làm dự án, lời chia lỗ cùng chịu nên ông P không phải chịu khoản tiền lãi mà chỉ phải trả tiền gốc cho Công ty A mà không phải trả cho ông Đ.

Những Người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt nhưng có ý kiến trong quá trình giải quyết như sau:

Ông Phạm Hồng N: Ngày 12/4/2016, ông được ông Nguyễn Thanh Đ nhờ chuyển số tiền 2.000.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn P vào tài khoản cá nhân của ông P là 36123688 tại Ngân hàng V. Ông khẳng định số tiền mà ông chuyển khoản vào tài khoản của ông P là tiền của ông Đ, không phải tiền của ông. Còn việc vay tiền giữa ông P và ông Đ như thế nào ông không biết.

Bà Vũ Thị Thanh T3: Ngày 11/01/2017, bà được ông Đ nhờ chuyển cho ông P số tiền 500.165.000 đồng vào tài khoản số 36123688 của ông P tại Ngân hàng V. Bà khẳng định số tiền chuyển khoản này là tiền của ông Đ không phải là

tiền của bà. Còn việc vay tiền giữa ông P và ông Đ như nào bà không biết, không liên quan.

Ông Nguyễn Quang D: Ngày 28/8/2017, ông được ông Nguyễn Thanh Đ nhờ chuyển tiền cho ông Nguyễn Văn P vào tài khoản cá nhân của ông P là 36123688 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V1, số tiền chuyển là 400.000.000 đồng. Ông khẳng định số tiền mà ông chuyển khoản vào tài khoản của ông P là tiền của ông Đ, không phải tiền của ông. Còn việc vay tiền giữa ông P và ông Đ như thế nào ông không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Bác toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ. Về án phí: Ông P được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn P phải hoàn trả số tiền nợ gốc là 3.400.000.000đ và tiền lãi suất. Bị đơn ông Nguyễn Văn P có địa chỉ tại Phố N, phường H, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân khu vực 12- Phú Thọ đã thụ lý và giải quyết đúng theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, khi xác định quan hệ pháp luật là Kiện đòi tài sản là chưa đúng với tên gọi cần xác định lại là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[1.2]. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn P trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn P có đơn mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là Luật sư Vũ Duy T2. Căn cứ

Điều 75 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sau khi xem xét thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chấp nhận Luật sư Tôn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn P. Ngày 26/01/2026, ông P nộp cho Tòa án Hợp đồng ủy quyền giữa ông Nguyễn Văn P và ông Đoàn Văn T1. Theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận cho ông T1 tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn P.

[1.4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P, ông T1, Luật sư T2 có mặt. Ông Đ, Công ty A và những người làm chứng triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Ông Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.5]. Ông P và người đại diện theo ủy quyền đề nghị đưa Công ty H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vì cho rằng số tiền 3.400.000.000 đồng là tiền Công ty A chuyển tiền cho Công ty H theo Hợp đồng hợp tác làm dự án giữa hai Công ty. Xét thấy: theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông P không cung cấp được Hợp đồng hợp tác góp vốn giữa Công ty H và Công ty A, tiền chuyển vào tài khoản là của cá nhân ông P không phải là chuyển vào tài khoản của Công ty H, ngoài ra không có các tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh tính liên quan của Công ty H trong vụ án này. Do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị này của ông P.

[1.6]. Đối với đề nghị tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm của bị đơn để đưa Công ty H vào tham gia tố tụng, xem xét biên bản xác nhận công nợ không đúng, những người chuyển tiền cho ông P phải tham gia phiên tòa, đặc biệt là ông Đ phải có mặt tại phiên tòa để đối chất; xác định rõ ủy nhiệm chi của Công ty A tại Ngân hàng T4 nhưng Ngân hàng nào thì tạm thời bị đơn chưa muốn cung cấp. Đối chiếu quy định tại Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự không có căn cứ để tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do đưa Công ty A là nguyên đơn trong vụ án, việc ông Nguyễn Thanh Đ tự nguyện đưa số tiền 3.400.000.000 đồng cho ông P với danh nghĩa ông P và Công ty A thỏa thuận liên doanh góp tài chính để chạy dự án theo nguyên tắc lời ăn lỗ chịu, nếu được dự án thì Công ty A sẽ là tổng thầu xây dựng dự án chứ không phải vay của cá nhân ông Đ. Do đó, ông sẽ có trách nhiệm trả

lại số tiền 3.400.000.000 đồng cho Công ty A và không phải trả tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với số tiền 3.400.000.000 đồng, thấy rằng: Theo Biên bản xác nhận công nợ lần 1 ngày 06/9/2018 và Biên bản xác nhận công nợ lần 2 ngày 08/9/2020 giữa ông Nguyễn Thanh Đ và ông Nguyễn Văn P đều thể hiện nội dung: ông Nguyễn Văn P có vay ông Nguyễn Thanh Đ số tiền là 3.400.000.000 đồng (tháng 5/2015 ông Đ chuyển cho ông P vay số tiền: 2.000.000.000 đồng; ngày 11/01/2017 ông Đ chuyển cho ông P vay số tiền 500.000.000 đồng; ngày 25/5/2017 ông Đ chuyển cho ông P vay số tiền 500.000.000 đồng và tháng 7/2017, ông Đ chuyển cho ông P vay số tiền 400.000.000 đồng). Tại các Biên bản xác nhận công nợ đã chốt công nợ tính đến ngày 31/12/2018 là 3.400.000.000 đồng và lãi suất là 12%/ năm, 150% lãi suất chậm thanh toán. Ban đầu, ông P thừa nhận có sự việc ông nhận số tiền 3.400.000.000 đồng từ ông Đ hẹn là sẽ trả lại số tiền gốc 3.400.000.000 đồng cho ông Đ và tiền lãi tính từ tháng 1 năm 2020. Sau đó, ông P cho rằng số tiền này không phải ông vay của ông Đ mà là vay tiền của Công ty A (thời điểm đó ông Đ đang làm giám đốc) và nội dung chuyển khoản đều thể hiện Công ty ACC 245 chuyển khoản. Tuy nhiên, tại Văn bản số 93/CV-ACC245 ngày 29/8/2025 của Công ty A (BL181) và Đơn từ chối tham gia tố tụng của Công ty A 245 ngày 22/9/2025 do ông Hồ Thanh P1 - Tổng Giám đốc ký (BL186), Công ty A đều khẳng định: "*Chúng tôi khẳng định việc kiện đòi tiền giữa ông Nguyễn Thanh Đ và ông Nguyễn Văn P là tiền cá nhân ông Nguyễn Thanh Đ chuyển cho ông Nguyễn Văn P không liên quan gì đến Công ty cổ phần A*". Những người chuyển tiền cho ông P cũng khẳng định là tiền của ông Đ nhờ họ chuyển hộ. Hơn nữa, bản thân ông Đ chỉ đề nghị Tòa án căn cứ biên bản xác nhận nợ để khẳng định đây là tiền cho vay cá nhân giữa ông Đ và ông P. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn P phải trả lại tiền nợ gốc 3.400.000.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh Đ là có căn cứ.

[2.2]. Đối với số tiền lãi mà ông P phải trả tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/9/2025 là 2.754.279.452đ, thấy rằng: căn cứ biên bản xác nhận công nợ lần 1 và lần 2 thì giữa các bên có thỏa thuận với nhau về lãi suất 12%/năm, thỏa thuận này phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, ngày 12/9/2025, ông Nguyễn Thanh Đ có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất chậm thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/9/2025 (thời điểm xét xử sơ thẩm): 3.400.000.000 đồng x 12%/năm x 2.464 ngày = 2.754.279.452 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn P và người đại diện theo ủy quyền là ông T1 không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới để chứng cứ minh cho yêu cầu của mình, do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn P, cần giữ nguyên Bản án dân sự số 34/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ.

[3]. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 282 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Đối với án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn P không được chấp nhận nên người kháng cáo phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông P có đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi. Căn cứ vào Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ.

2. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12; Điều 14 và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn P.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (30/01/2026)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 12 - Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 12 - Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu

